

**QUY TRÌNH VẬN HÀNH HỒ CHỨA NƯỚC ĐẮK GIAO 2
XÃ ĐẮK LONG, HUYỆN ĐẮK GLEI, TỈNH KON TUM**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm
của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)*

**CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Cơ sở pháp lý:

1. Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;
2. Luật Phòng chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013;
3. Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;
4. Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết việc thi hành Luật tài nguyên nước;
5. Nghị định số 160/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng, chống thiên tai;
6. Nghị định số 43/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước;
7. Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước;
8. Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;
9. Quyết định số 46/2014/QĐ-TTg ngày 15 tháng 8 năm 2014 của Thủ tướng Chính Phủ quy định về dự báo, cảnh báo và truyền tin thiên tai;
10. Các Tiêu chuẩn, Quy phạm hiện hành: Tiêu chuẩn TCVN 8414-2010: Công trình thủy lợi-Quy trình quản lý vận hành, khai thác và kiểm tra hồ chứa nước; Tiêu chuẩn TCVN 8304:2009: Quy phạm công tác thủy văn trong hệ thống thủy nông và các Tiêu chuẩn, Quy phạm khác có liên quan tới công trình thủy công của hồ chứa nước.

Điều 2. Nguyên tắc vận hành:

Việc vận hành hồ chứa nước Đăk Giao 2 phải đảm bảo:

1. An toàn công trình theo chỉ tiêu phòng lũ với tần suất lũ thiết kế là $P=1,5\%$ tương ứng với mực nước cao nhất là +722,49m, tần suất lũ kiểm tra là $P=0,5\%$

tương ứng với mực nước là +722,68m.

2. Phát huy hiệu quả của công trình theo Quyết định số 387/QĐ-UBND ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum, diện tích sản xuất thực tế của công trình là 15 ha và điều tiết giảm lũ cho vùng hạ lưu công trình.

3. Trong mùa lũ, khi xuất hiện các tình huống đặc biệt chưa được quy định trong Quy trình này, việc vận hành Hồ chứa Đăk Giao 2 theo sự chỉ đạo, điều hành thống nhất của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 3. Thông số chính của hồ chứa

1. Cấp công trình và các chỉ tiêu thiết kế:

- Cấp công trình theo QCVN 04-05: 2012: Cấp III
- Loại công trình: Công trình Nông nghiệp và PTNT
- Tần suất lũ thiết kế: $P = 1,5\%$, ứng với $Q_{1,5\%} = 16,50\text{m}^3/\text{s}$
- Tần suất lũ kiểm tra $P = 0,5\%$ ứng với $Q_{0,5\%} = 20,61\text{m}^3/\text{s}$
- Mức đảm bảo tưới $P = 85\%$
- Thuộc loại hồ vừa theo Nghị định số 114/2018/NĐ-CP)

2. Thông số kỹ thuật chính của hồ chứa:

TT	Thông số hồ chứa	Đơn vị	Giá trị
1	Diện tích lưu vực	Km ²	1,80
2	Mực nước dâng bình thường	m	721,30
3	Mực nước lũ thiết kế	m	722,49
4	Mực nước lũ kiểm tra	m	722,68
5	Mực nước chết (MNC)	m	715,60
6	Dung tích toàn bộ (W _{tb})	10 ⁶ m ³	0,141
7	Dung tích hữu ích (W _{hi})	10 ⁶ m ³	0,122
8	Dung tích chết (W _c)	10 ⁶ m ³	0,0116

Điều 4. Quy định phân loại lũ và mùa lũ, mùa kiệt

1. Phân loại lũ:

TT	Phân loại lũ	Giá trị (m³/s)
1	Lũ nhỏ là lũ có lưu lượng lũ thấp lưu lượng lũ trung bình nhiều năm	$Q_{lũ} < 4,72$
2	Lũ vừa là lũ có lưu lượng lũ bằng lưu lượng lũ trung bình nhiều năm	$Q_{lũ} = 4,72$
3	Lũ lớn là lũ có lưu lượng lũ lớn hơn lưu lượng lũ trung bình nhiều năm nhưng nhỏ hơn lưu lượng lũ thiết kế	$4,72 < Q_{lũ} < 16,50$
4	Lũ đặc biệt lớn là lũ có lưu lượng lũ lớn hơn lưu	$Q_{lũ} > 16,50$

2. Mùa lũ, mùa kiệt trong Quy trình này được quy định như sau:

- Mùa lũ bắt đầu từ 01/7 đến 30/11 hàng năm.
- Mùa kiệt bắt đầu từ 01/12 đến 30/6 năm sau.

CHƯƠNG II

VẬN HÀNH TRONG MÙA LŨ

Điều 5. Nguyên tắc vận hành Hồ chứa Đăk Giao 2 trong mùa lũ

Trước mùa lũ hàng năm, đơn vị khai thác công trình phải thực hiện:

a) Tổ chức kiểm tra hồ chứa trước mùa lũ đúng với Quy định hiện hành, phát hiện, xử lý kịp thời những hư hỏng, đảm bảo công trình vận hành an toàn trong mùa mưa lũ (*thời gian thực hiện kiểm tra công trình vào tháng 4 trước lũ và tháng 12 sau lũ theo quy định tại mục 4.2.2 - TCVN 8414:2010*).

b) Căn cứ vào dự báo khí tượng thủy văn trước mùa lũ hàng năm và Quy trình này để lập kế hoạch tích, xả nước cụ thể làm cơ sở vận hành hồ chứa, đảm bảo an toàn công trình và tích đủ nước phục vụ các nhu cầu dùng nước, báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

c) Lập và rà soát, điều chỉnh, bổ sung phương án ứng phó thiên tai, phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp.

Điều 6. Mục nước hồ trong mùa lũ

1. Mục nước hồ ở cuối các tháng trong mùa lũ bằng cao trình ngưỡng tràn tự do và bằng mực nước dâng bình thường +721,30m.

2. Mục nước lớn nhất thiết kế (MNLNTK) +722,49m.

3. Mục nước lớn nhất kiểm tra (MNLNKT) +722,68m.

Điều 7. Vận hành xả lũ trong trường hợp bình thường

1. Căn cứ vào biểu đồ điều phối và điều kiện thời tiết hàng năm, đơn vị quản lý, khai thác công trình linh hoạt điều tiết mực nước hồ chứa phải thấp hơn hoặc bằng tung độ "Đường phòng phá hoại" trên biểu đồ điều phối (phụ lục số III.1) để bảo đảm an toàn công trình và giảm thiểu ngập lụt cho vùng hạ du hồ chứa.

2. Khi mực nước hồ đến giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 6, đơn vị quản lý, khai thác công trình phải:

- Căn cứ vào diễn biến tình hình khí tượng thủy văn, hiện trạng các hạng mục công trình đầu mối, vùng hạ du hồ chứa nước và Quy trình vận hành hồ chứa nước để có đánh giá do lũ qua tràn ảnh hưởng đến hạ du.

- Trực lũ 24/24 và thực hiện chế độ báo cáo thường xuyên cho Ủy ban nhân dân huyện Đăk Glei, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN huyện Đăk Glei; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh về diễn biến mực

nước hồ chứa để kịp thời nắm bắt, lên phương án đảm bảo an toàn cho công trình và hạ du công trình.

- Thông báo Ủy ban nhân dân huyện Đắk Glei; Ban Chỉ huy PCTT và TKCN huyện Đắk Glei, Ủy ban nhân dân xã Đắk Long để phổ biến đến Nhân dân vùng hạ du và các cơ quan liên quan về việc dự kiến lưu lượng lũ qua tràn và mực nước dâng ở hạ lưu nhằm đảm bảo an toàn cho người, tài sản vùng hạ du đập khi lũ qua tràn.

Điều 8. Vận hành xả lũ trong trường hợp khẩn cấp

1. Trong mùa lũ, khi mực nước hồ đạt cao trình +722,49m (mực nước lũ thiết kế) và đang lên, Đơn vị khai thác công trình phải thông báo Ủy ban nhân dân huyện Đắk Glei biết để triển khai ngay các biện pháp đảm bảo an toàn cho người, tài sản của người dân vùng hạ du hồ chứa; đồng thời, báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh xem xét tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum quyết định.

Điều 9. Thông báo mực nước lũ qua tràn tháo lũ

1. Trước khi lũ qua tràn đến mức phải cảnh báo ở khoản 2 Điều này, đơn vị quản lý, khai thác công trình phải:

- Thông báo cho Ủy ban nhân dân huyện Đắk Glei, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN huyện Đắk Glei, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh; Hình thức thông báo bằng điện thoại Fax, email, . . .

- Thông báo bằng loa phóng thanh, còi và các phương tiện truyền thông khác để đảm bảo an toàn cho người dân phía hạ du hồ chứa;

- Thời gian thông báo ít nhất trước 15 phút;

2. Chế độ cảnh báo khi lũ qua tràn:

- Hiệu lệnh khi lũ qua tràn ứng với lũ vừa (cột nước qua tràn $H_{tr}=0,52m$; mực nước hồ đến cao trình +721,82m): Kéo 2 hồi còi hoặc loa phóng thanh mỗi hồi dài 20 giây, cách nhau 10 giây.

- Hiệu lệnh khi lũ qua tràn ứng với lũ thiết kế (cột nước qua tràn $H_{tr} = 1,19m$; mực nước hồ đến cao trình MNLNTK +722,49m): Kéo 3 hồi còi hoặc loa phóng thanh mỗi hồi dài 20 giây, cách nhau 10 giây. Đây là hiệu lệnh cảnh báo lũ để chính quyền địa phương thực hiện các biện pháp bảo vệ tính mạng và tài sản nhân dân vùng hạ du đập dọc theo tuyến thoát lũ.

- Hiệu lệnh khi lũ qua tràn ứng với lũ kiểm tra (cột nước qua tràn $H_{tr} = 1,38m$; mực nước hồ đến cao trình MNLNKT +722,68m): Kéo 4 hồi còi hoặc loa phóng thanh mỗi hồi dài 20 giây, cách nhau 10 giây. Đây là hiệu lệnh cảnh báo lũ để chuẩn bị phương án di dời con người và tài sản vùng hạ du đập theo phương án ứng phó thiên tai và phương án ứng phó tình huống khẩn cấp cho khu vực nằm phía hạ du đập được cấp có thẩm phê duyệt.

- Hiệu lệnh trong tình huống khẩn cấp, có nguy cơ vỡ đập: Kéo 5 hồi còi hoặc loa phóng thanh mỗi hồi dài 20 giây, cách nhau 10 giây. Đây là hiệu lệnh cảnh báo

lũ khẩn cấp, có nguy cơ vỡ đập cần phải tổ chức thực hiện ngay phương án di dời con người và tài sản vùng hạ du đập theo phương án ứng phó thiên tai và phương án ứng phó tình huống khẩn cấp được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

CHƯƠNG III VẬN HÀNH TRONG MÙA KIẾT

Điều 10. Điều tiết giữ mực nước hồ trong mùa kiệt

1. Trước mùa kiệt hàng năm, Đơn vị khai thác công trình phải căn cứ vào lượng nước trữ trong hồ, dự báo khí tượng thủy văn và nhu cầu dùng nước để lập phương án cấp nước trong mùa kiệt, báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, thông báo cho chính quyền địa phương và đối tượng sử dụng nước biết.

2. Chế độ cấp nước trong mùa kiệt: Trong quá trình vận hành điều tiết, mực nước hồ chứa phải cao hơn hoặc bằng tung độ "Đường hạn chế cấp nước" trên biểu đồ điều phối (phụ lục số III.1)

3. Mực nước hồ thấp nhất ở cuối các tháng trong mùa kiệt được giữ như sau:

Thời gian (ngày/tháng)	31/12	31/01	28/02	31/3	30/4
Mực nước thấp nhất (m)	720,04	719,10	718,23	716,23	715,60
Dung tích hồ (triệu m ³)	0,111	0,080	0,052	0,0166	0,0116
Cột nước so với đáy cống (m)	5,24	4,30	3,43	1,43	0,80

Điều 11. Vận hành cấp nước

1. Trường hợp bình thường:

Khi mực nước hồ cao hơn hoặc bằng tung độ "Đường hạn chế cấp nước", đơn vị quản lý, khai thác công trình đảm bảo cung cấp đủ nước cho các nhu cầu dùng nước theo kế hoạch cấp nước.

2. Trường hợp đặc biệt:

- Khi mực nước hồ thấp hơn tung độ "Đường hạn chế cấp nước" và cao hơn mực nước chết, Đơn vị khai thác công trình và các hộ dùng nước phải thực hiện các biện pháp cấp nước và sử dụng nước tiết kiệm, hạn chế trường hợp thiếu nước vào cuối mùa kiệt.

- Khi mực nước hồ bằng hoặc thấp hơn mực nước chết +715,60m, mà các hộ dùng nước vẫn có nhu cầu. Đơn vị khai thác công trình căn cứ nhu cầu dùng nước thực tế đó, lập phương án, kế hoạch sử dụng dung tích chết, báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định và tổ chức thực hiện.

CHƯƠNG IV VẬN HÀNH KHI HỒ CHỨA CÓ SỰ CỐ

Điều 12. Khi công trình đầu mối của hồ chứa (*đập chính, tràn xả lũ, cống lấy nước*) có dấu hiệu xảy ra sự cố gây mất an toàn cho công trình, Đơn vị khai thác công trình phải triển khai ngay biện pháp khắc phục nhằm hạn chế thiệt hại do sự cố gây ra, đồng thời báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh xem xét tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định biện pháp xử lý để đảm bảo an toàn công trình.

Điều 13. Khi kênh dẫn vào tràn xả lũ, cửa cống lấy nước bị sạt lở, bồi lấp hoặc có sự cố không vận hành được, đơn vị quản lý, khai thác công trình phải triển khai ngay biện pháp xử lý, khắc phục và đồng thời báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh xem xét tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum quyết định biện pháp xử lý để đảm bảo an toàn công trình.

Điều 14. Trường hợp xuất hiện các sự cố khẩn cấp có nguy cơ vỡ đập, Đơn vị khai thác công trình phải triển khai ngay biện pháp khắc phục nhằm hạn chế thiệt hại do sự cố gây ra đồng thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện Đắk Glei, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN huyện Đắk Glei để chỉ đạo việc triển khai phương án bảo vệ vùng hạ du hồ chứa và phương án khắc phục hậu quả. Thông báo cho chính quyền địa phương và đối tượng sử dụng nước biết để có biện pháp sử dụng nước trong thời gian khắc phục sự cố.

CHƯƠNG V

QUAN TRẮC CÁC YẾU TỐ KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN

Điều 15. Trách nhiệm quan trắc, dự báo và cung cấp thông tin

1. Đơn vị khai thác công trình tổ chức quan trắc mực nước tại thượng lưu, hạ lưu đập, lưu lượng lũ qua tràn (*Lưu lượng lũ, thời gian lũ, diễn biến mực nước thượng lưu, ảnh hưởng đối với vùng hạ du...*).

2. Cung cấp thông tin, dữ liệu quan trắc cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chi cục Thủy lợi, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh và cập nhật lên trang thông tin điện tử thuyloivietnam.vn theo quy định.

3. Phương thức cung cấp thông tin, dữ liệu: Thực hiện gửi qua địa chỉ Email

Điều 16. Chế độ quan trắc

Thời gian quan trắc mực nước hồ như sau:

- Mùa kiệt: Quan trắc 2 lần một ngày vào 07 giờ, 19 giờ;
- Mùa lũ: 4 lần một ngày vào 01 giờ, 07 giờ, 13 giờ và 19 giờ;
- Khi mực nước hồ bằng hoặc cao hơn ngưỡng tràn: 1 giờ 01 lần;
- Khi mực nước hồ trên mực nước lũ thiết kế: 1 giờ 04 lần.

CHƯƠNG VI

TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN

Điều 17. Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum

- Chỉ đạo kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy trình vận hành hồ chứa Đăk Giao 2; chỉ đạo việc đảm bảo an toàn, quyết định biện pháp xử lý các sự cố khẩn cấp khi xảy ra tình huống như quy định tại Điều 8, Điều 12, Điều 13 và Điều 14 của Quy trình.

- Công bố công khai Quy trình vận hành hồ chứa Đăk Giao 2 trên cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Xử lý hoặc ủy quyền xử lý các hành vi ngăn cản việc thực hiện hoặc vi phạm các quy định của Quy trình này theo thẩm quyền.

- Huy động nhân lực, vật lực để xử lý và khắc phục các sự cố.

- Báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong tình huống khẩn cấp vượt quá khả năng ứng phó của địa phương.

Điều 18. Ủy ban nhân dân huyện Đăk Glei và Ủy ban nhân dân xã Đăk Long

- Thực hiện phương án đảm bảo an toàn cho vùng hạ du khi hồ chứa xả lũ và trường hợp xảy ra sự cố.

- Huy động nhân lực, vật lực, phối hợp với đơn vị quản lý, khai thác công trình để phòng, chống lụt, bão, bảo vệ và xử lý sự cố công trình.

- Tuyên truyền, vận động Nhân dân địa phương thực hiện đúng các quy định trong Quy trình và tham gia bảo vệ an toàn công trình Hồ chứa Đăk Giao 2.

Điều 19. Ban chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh

- Tổ chức thường trực, theo dõi chặt chẽ diễn biến mưa lũ, quyết định phương án điều tiết, ban hành lệnh vận hành Hồ chứa Đăk Giao 2.

- Quyết định vận hành xả lũ khẩn cấp; báo cáo Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai trong tình huống khẩn cấp vượt quá khả năng ứng phó của địa phương.

Điều 20. Ban Chỉ huy PCTT và TKCN huyện Đăk Glei

- Tổ chức huy động nhân lực, vật lực để phối hợp cùng Đơn vị khai thác công trình thực hiện công tác phòng, chống lụt, bão và xử lý khi xảy ra sự cố công trình.

- Tuyên truyền, vận động Nhân dân địa phương thực hiện đúng các quy định trong Quy trình và tham gia bảo vệ an toàn công trình Hồ chứa Đăk Giao 2.

Điều 21. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chỉ đạo, tổ chức kiểm tra, giám sát đơn vị quản lý, khai thác công trình thực hiện đúng quy trình đặc biệt là việc vận hành tràn xả lũ.

- Báo cáo kết quả tổng hợp thực hiện quy trình vận hành Hồ chứa Đăk Giao 2 gửi Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Giải quyết những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện Quy trình theo thẩm quyền.

- Công bố Quy trình vận hành được phê duyệt trên trang thông tin điện tử của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Trình Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh Quy trình theo thẩm quyền quy định.

- Theo dõi, chỉ đạo việc thực hiện cấp nước trong mùa kiệt của Hồ chứa Đăk Giao 2 nêu tại Điều 10 và Điều 11 của Quy trình.

Điều 22. Đơn vị khai thác công trình

- Nghiêm chỉnh vận hành theo đúng quy trình và theo quy định tại Điều 27, 28 và 45 Luật Thủy lợi và khoản 3 Điều 53 Luật Tài nguyên nước.

- Hoạt động vận hành Hồ chứa Đăk Giao 2 phải ghi chép vào nhật ký vận hành.

- Định kỳ 5 năm phải rà soát, đánh giá kết quả thực hiện Quy trình vận hành báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Định kỳ 5 năm hoặc khi quy trình vận hành không còn phù hợp có trách nhiệm rà soát, điều chỉnh quy trình vận hành, trình Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

- Điều tiết cấp nước khi mực nước hồ thấp hơn tung độ "Đường hạn chế cấp nước" trên biểu đồ điều phối và cao hơn mực nước chết đồng thời báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo dõi, chỉ đạo.

- Điều tiết cấp nước khi mực nước hồ thấp hơn mực nước chết theo phương án, kế hoạch sử dụng dung tích chết được Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chấp thuận.

- Kịp thời báo cáo và thực hiện các quyết định của Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh khi xảy ra tình huống như quy định Điều 8, Điều 13 Điều 14 của Quy trình.

- Công bố Quy trình vận hành được phê duyệt trên trang thông tin điện tử của Đơn vị khai thác công trình.

- Lập biên bản xử lý hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định xử lý kịp thời các hành vi ngăn cản, xâm hại đến việc thực hiện Quy trình.

- Đề nghị các cấp chính quyền, các ngành có liên quan giải quyết và phối hợp giải quyết các phát sinh, vướng mắc trong quá trình thực hiện Quy trình.

Điều 23. Các tổ chức cá nhân hưởng lợi

- Nghiêm chỉnh thực hiện Quy trình.
- Hàng năm, phải ký hợp đồng với đơn vị quản lý, khai thác công trình để đơn vị quản lý, khai thác công trình lập kế hoạch cấp nước, xả nước hợp lý, đảm bảo hiệu quả kinh tế và an toàn công trình.
- Thực hiện đúng các quy định có liên quan tại Luật Thủy lợi và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến việc quản lý, vận hành, khai thác và bảo vệ công trình Hồ chứa Đăk Giao 2.
- Tổ chức, cá nhân thực hiện tốt Quy trình sẽ được khen thưởng theo quy định. Mọi hành vi vi phạm Quy trình sẽ bị xử lý theo pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG VII TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 24. Hiệu lực thi hành

1. Quy trình có hiệu lực kể từ ngày ký.
2. Trong quá trình thực hiện Quy trình nếu có sửa đổi, bổ sung thì Đơn vị khai thác vận hành tổ chức điều chỉnh Quy trình vận hành trình Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum xem xét quyết định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hữu Tháp

PHỤ LỤC KÈM THEO
DỰ THẢO QUY TRÌNH VẬN HÀNH HỒ CHỨA ĐẮK GIAO 2
XÃ ĐẮK LONG, HUYỆN ĐẮK GLEI, TỈNH KON TUM

PHỤ LỤC I
GIỚI THIỆU TỔNG QUAN VỀ HỒ CHỨA ĐẮK GIAO 2

Công trình hồ chứa Đăk Giao 2 được đầu tư xây dựng hoàn thành đưa vào khai thác sử dụng năm 2008. Hiện nay, công trình do Ban Quản lý khai Thác các công trình thủy lợi quản lý vận hành, công trình chưa lập quy trình vận hành.

1. Tên công trình: Hồ chứa Đăk giao 2.

2. Địa điểm xây dựng: Xã Đăk Long, huyện Đăk Gleï

3. Nhiệm vụ công trình:

- Theo thiết kế được duyệt trước đây, công trình có nhiệm vụ tưới cho 18ha lúa 2 vụ.

- Theo Quyết định số 387/QĐ-UBND ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum, diện tích phục vụ sản xuất thực tế của công trình là 15ha lúa 2 vụ.

4. Thành phần công trình: Đập đất; Tràn xả lũ; Cổng lấy nước, kênh tưới.

5. Cấp công trình:

- Cấp công trình đầu mối : Cấp III

- Tần suất đảm bảo tưới : P = 85%

- Tần suất lũ thiết kế : P = 1,5%

- Tần suất lũ kiểm tra : P = 0,5%

4. Các thông số kỹ thuật chính của công trình:

TT	Thông số - Hạng mục	ĐVT	Giá trị
I	Hồ chứa		
1	Diện tích lưu vực	km ²	1,8
2	Cao trình MNLTK	m	722,49
3	Cao trình MNDBT	m	721,30
4	Cao trình MNC	m	715,60
5	Dung tích toàn bộ	10 ³ m ³	141
6	Dung tích hữu ích	10 ³ m ³	122
7	Dung tích chết	10 ³ m ³	11,6
8	Diện tích mặt hồ ~ MNDBT	ha	7,0
II	Đập đất		

TT	Thông số - Hạng mục	ĐVT	Giá trị
1	Chiều dài đỉnh đập	m	174
2	Bề rộng đỉnh đập	m	4,6
3	Chiều cao đập (Hmax)	m	14,8
4	Hệ số mái đập: $m_t - m_h$		2,75 & 2,5
5	Cao trình đỉnh đập	m	723,10
III	Tràn xả lũ		
1	Lưu lượng lũ thiết kế (Qtk)	m ³ /s	16,50
2	Cột nước tràn thiết kế (Htk)	m	1,19
3	Lưu lượng lũ kiểm tra (Qkt)	m ³ /s	20,61
4	Cột nước tràn kiểm tra (Htr)	m	1,38
5	Cao trình ngưỡng tràn	m	721,30
6	Chiều rộng cửa tràn (Btr)	m	8,2
7	Chiều dài dốc nước	m	136,5
8	Chiều rộng dốc nước	m	4,2
9	Chiều dài bể tiêu năng	m	13,0
10	Chiều sâu bể tiêu năng	m	1,03
IV	Cống lấy nước đầu mối		
1	Tiết diện cống D	cm	30
2	Chiều dài cống (Lc)	m	62,5
3	Cao trình đáy cống cửa vào	m	714,80
4	Cao trình đáy cống cửa ra	m	713,70
5	Hình thức đóng mở		Van nôm hạ lưu
V	Kênh chính		
1	Chiều dài kênh	cm	925
2	Chiều rộng đáy kênh.Bk	cm	40
3	Chiều cao kênh.Hk	cm	60

PHỤ LỤC II: NHỮNG CĂN CỨ ĐỂ LẬP QUY TRÌNH VẬN HÀNH HỒ CHỨA ĐẮK GIAO 2 HUYỆN ĐẮK GLEI - TỈNH KON TUM

1. Các văn bản pháp quy:

- Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;
- Luật Phòng chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013;
- Luật Thủy lợi số ngày 19 tháng 6 năm 2017;
- Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết việc thi hành Luật tài nguyên nước;
- Nghị định số 160/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng, chống thiên tai;
- Nghị định số 43/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước;
- Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước;
- Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;
- Quyết định số 46/2014/QĐ-TTg ngày 15 tháng 8 năm 2014 của Thủ tướng Chính Phủ quy định về dự báo, cảnh báo và truyền tin thiên tai;
- Các Tiêu chuẩn, Quy phạm hiện hành: Tiêu chuẩn TCVN 8414-2010: Công trình thủy lợi-Quy trình quản lý vận hành, khai thác và kiểm tra hồ chứa nước; Tiêu chuẩn TCVN 8304:2009: Quy phạm công tác thủy văn trong hệ thống thủy nông và các Tiêu chuẩn, Quy phạm khác có liên quan tới công trình thủy công của hồ chứa nước.

2. Các tài liệu, số liệu khí tượng thủy văn:

- Các tài liệu khí tượng thủy văn dùng trong tính toán thiết kế lập quy trình vận hành hồ chứa Đăk Giao 2;
- + Số liệu trạm khí tượng Đăk Glong; Trạm thủy văn Đăk Mốt.
- + Các tài liệu quan trắc mực nước hồ,...

3. Mục tiêu và yêu cầu:

- Lập quy trình vận hành Hồ chứa Đăk Giao 2 để làm cơ sở quản lý, vận hành, khai thác công trình nhằm đảm bảo an toàn cho công trình trong mùa mưa lũ, khi công trình có sự cố và đảm bảo đáp ứng tốt các nhiệm vụ của công trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- Về phòng chống lũ: Phải đảm bảo an toàn cho công trình theo tần suất lũ thiết kế $P = 1,5\%$ và lũ kiểm tra $P = 0,5\%$.
- Về cấp nước: Đảm bảo cấp đủ nước theo các nhiệm vụ thiết kế được duyệt

PHỤ LỤC III
CÁC BIỂU ĐỒ, BẢNG TRA
KÈM THEO DỰ THẢO QUY TRÌNH VẬN HÀNH

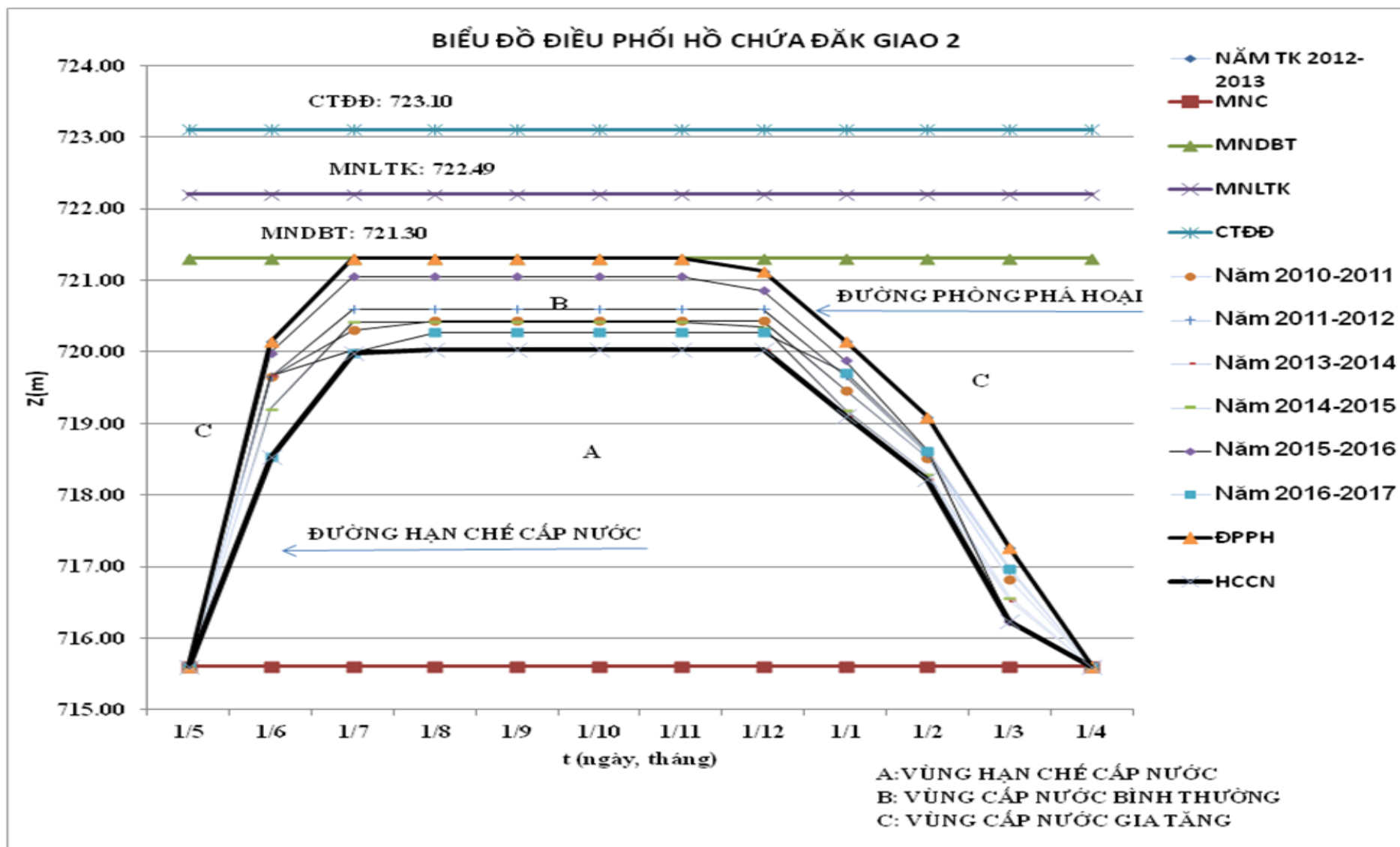
Phụ lục III-1: Biểu đồ điều phối hồ chứa nước.

Phụ lục III-2: Bảng tra và biểu đồ quan hệ mực nước, dung tích hồ.

Phụ lục III-3: Bảng tra và biểu đồ quan hệ mực nước, lưu lượng tràn xả lũ.

Phụ lục III-4: Bảng tra và biểu đồ quan hệ mực nước, lưu lượng công lấy nước.

PHỤ LỤC III-1 BIỂU ĐỒ ĐIỀU PHỐI HỒ CHỨA NƯỚC



BẢNG TUNG ĐỘ MỰC NƯỚC HỒ CÁC NĂM CHỌN												
t (Ngày\tháng)	1/5	1/6	1/7	1/8	1/9	1/10	1/11	1/12	1/1	1/2	1/3	1/4
Đường phòng phá hoại	715,60	720,14	721,30	721,30	721,30	721,30	721,30	721,12	720,15	719,09	717,26	715,60
NĂM TK 2006-2007	715,60	720,14	721,30	721,30	721,30	721,30	721,30	721,12	720,15	719,09	717,26	715,60
Năm 1995-1996	715,60	719,65	720,31	720,44	720,44	720,44	720,44	720,44	719,46	718,52	716,82	715,60
Năm 1996-1997	715,60	719,65	720,60	720,60	720,60	720,60	720,60	720,60	719,66	718,58	716,95	715,60
Năm 1997-1998	715,60	719,68	720,04	720,04	720,04	720,04	720,04	720,04	719,10	718,23	716,53	715,60
Năm 2005-2006	715,60	719,20	720,42	720,42	720,42	720,42	720,42	720,34	719,18	718,28	716,56	715,60
Năm 2014-2015	715,60	719,99	721,05	721,05	721,05	721,05	721,05	720,85	719,88	718,61	716,23	715,60
Năm 2017-2018	715,60	718,53	719,98	720,28	720,28	720,28	720,28	720,28	719,71	718,61	716,97	715,60
MNC	715,60	715,60	715,60	715,60	715,60	715,60	715,60	715,60	715,60	715,60	715,60	715,60
MNDBT	721,3	721,3	721,3	721,3	721,3	721,3	721,3	721,3	721,3	721,3	721,3	721,3
MNLTK	722,20	722,20	722,20	722,20	722,20	722,20	722,20	722,20	722,20	722,20	722,20	722,20
CTĐĐ	723,10	723,10	723,10	723,10	723,10	723,10	723,10	723,10	723,10	723,10	723,10	723,10
Đường hạn chế cấp nước	715,60	718,53	719,98	720,04	720,04	720,04	720,04	720,04	719,10	718,23	716,23	715,60

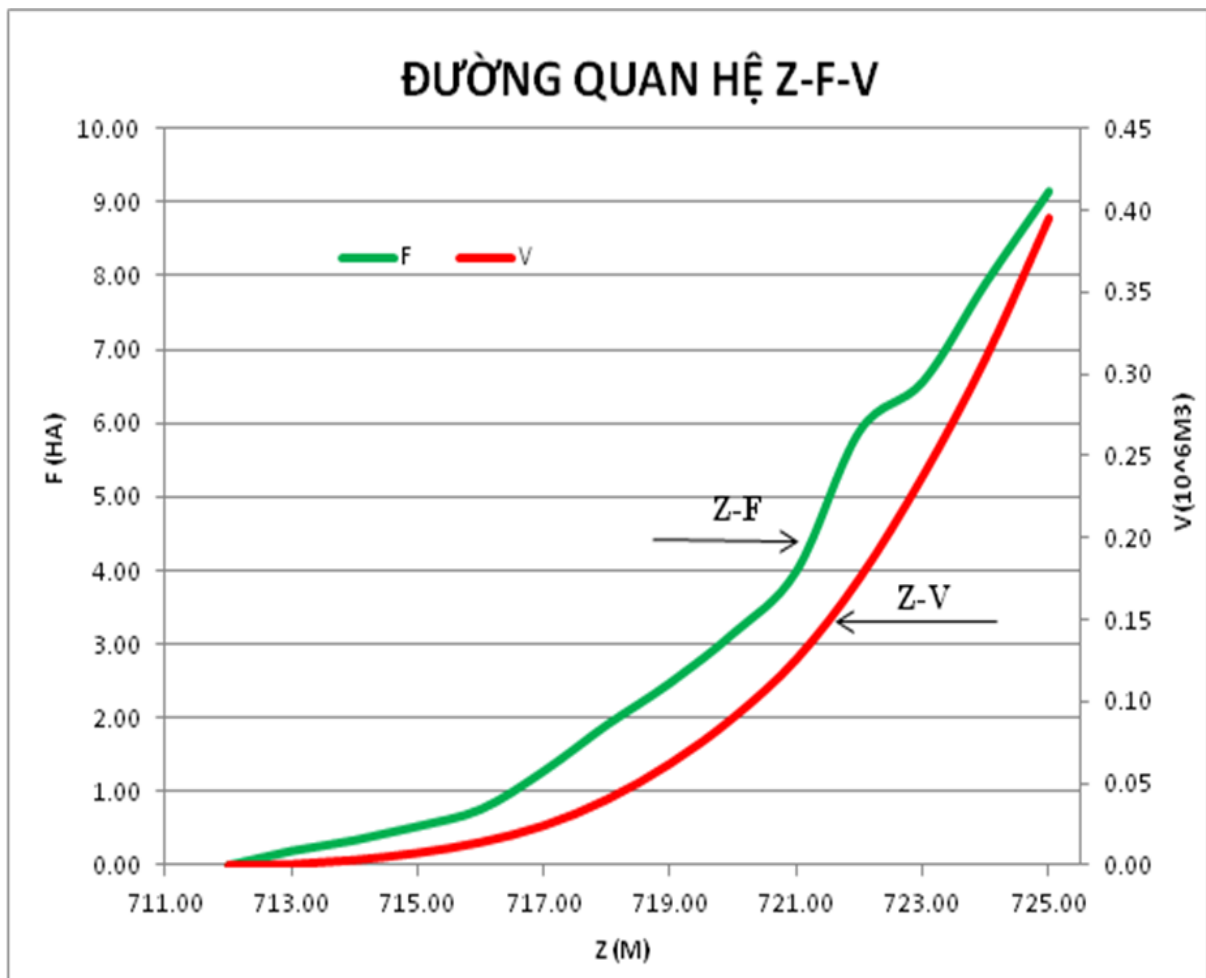
PHỤ LỤC III-2

BẢNG TRA VÀ BIỂU ĐỒ QUAN HỆ MỰC NƯỚC, DUNG TÍCH

1/. Bảng tra quan hệ (z~V) và (z~F)

Z(m)	F(10 ⁴ m ²)	V(10 ⁶ m ³)
712.00	0.00	0.00
713.00	0.20	0.00
714.00	0.34	0.00
715.00	0.53	0.01
716.00	0.76	0.01
717.00	1.28	0.02
718.00	1.91	0.04
719.00	2.48	0.06
720.00	3.15	0.09
721.00	4.00	0.13
722.00	5.89	0.18
723.00	6.56	0.24
724.00	7.90	0.31
725.00	9.14	0.40

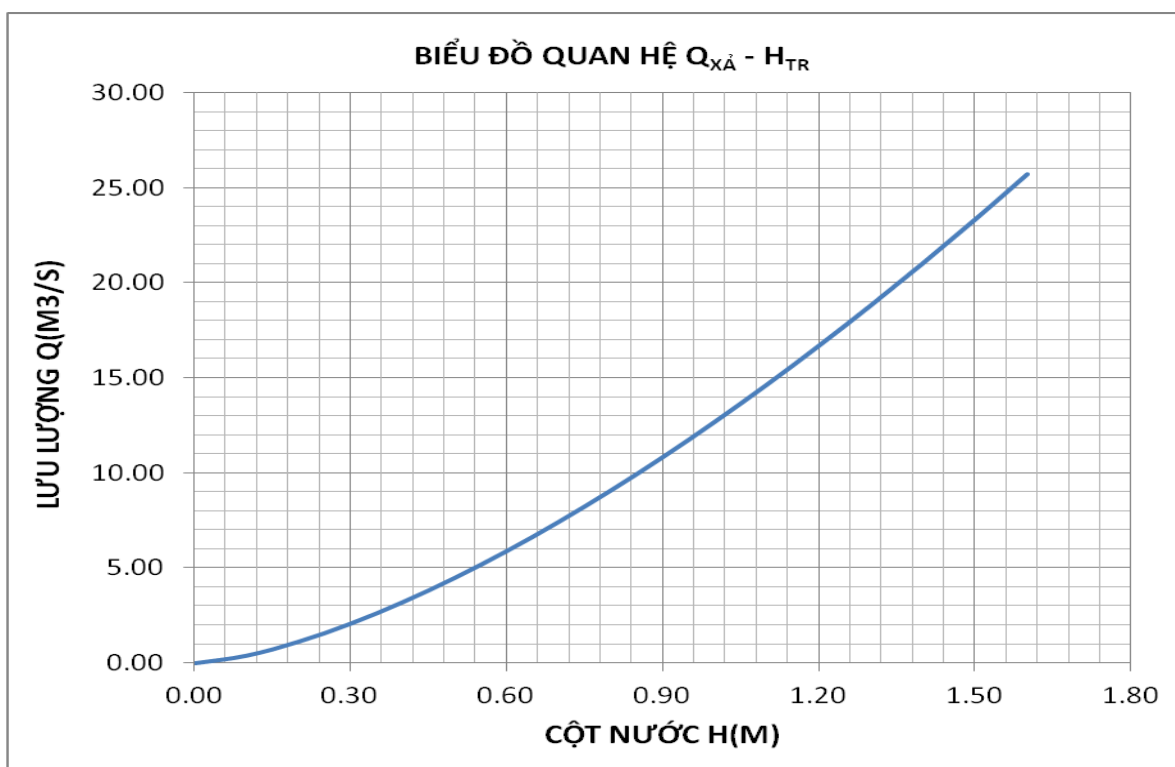
2/. Biểu đồ quan hệ (Z~F~V):



PHỤ LỤC III-3
BẢNG TRA QUAN HỆ MỨC NƯỚC, LƯU LƯỢNG QUA TRÀN XẢ LỬ

STT	Q (m ³ /s)	Z _{tt} (m)	H _{tt} (m)
1	0.00	721.30	0.00
2	0.40	721.40	0.10
3	1.14	721.50	0.20
4	2.09	721.60	0.30
5	3.22	721.70	0.40
6	4.49	721.80	0.50
7	5.91	721.90	0.60
8	7.45	722.00	0.70
9	9.10	722.10	0.80
10	10.85	722.20	0.90
11	12.71	722.30	1.00
12	14.67	722.40	1.10
13	16.71	722.50	1.20
14	18.84	722.60	1.30
15	21.06	722.70	1.40
16	23.35	722.80	1.50
17	25.73	722.90	1.60

Biểu đồ quan hệ Q xả - H_{tr} Hồ chứa Đăk Giao 2:



PHỤ LỤC III-4
BẢNG TRA QUAN HỆ MỨC NƯỚC, LƯU LƯỢNG VÀ ĐỘ MỞ CỐNG
LẤY NƯỚC

QUAN HỆ GIỮA LƯU LƯỢNG VÀ MỨC NƯỚC HỒ THEO ĐỘ MỞ CỦA VAN							
Cao trình (m)	Sé mẽ e(m) - l-u l-îng Q (m3/s)						
	e=0,30	e=0,45	e=0,6	e=0,75	e=0,90	e=1,05	e=1,20
721.30	0.240	0.479	0.719	1.038	1.278	1.517	1.597
720.80	0.230	0.460	0.690	0.997	1.228	1.458	1.534
720.30	0.220	0.441	0.661	0.955	1.175	1.396	1.469
719.80	0.210	0.420	0.630	0.910	1.121	1.331	1.401
719.30	0.199	0.399	0.598	0.864	1.063	1.262	1.329
718.80	0.188	0.376	0.564	0.814	1.002	1.190	1.253
718.30	0.176	0.352	0.527	0.762	0.938	1.113	1.172
717.70	0.160	0.320	0.480	0.693	0.853	1.013	1.067
717.10	0.143	0.285	0.428	0.618	0.760	0.903	0.950
716.50	0.123	0.245	0.368	0.531	0.653	0.776	0.817
715.90	0.099	0.197	0.296	0.427	0.526	0.624	0.657
715.30	0.066	0.133	0.199	0.288	0.354	0.421	0.443

